

Số: 120 /TB-UBND

TP. Tuyên Quang, ngày 14 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

**Thực hiện dự án Khu đô thị dịch vụ và dân cư Nông Tiến,
phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang (đợt 4)**

Căn cứ Điểm b, Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ và dân cư Nông Tiến; Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc

chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu đô thị Dịch vụ và Dân cư Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang; Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố Tuyên Quang; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị dịch vụ và dân cư Nông Tiến; Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố làm đại diện chủ đầu tư thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Khu đô thị Dịch vụ và Dân cư Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang; Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án Khu đô thị Dịch vụ và Dân cư Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang (đợt 4);

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 446/TTr-TNMT ngày 14/6/2024.

Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang thông báo:

1. Thu hồi tổng diện tích 1.523,1 m² đất do Tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng tại phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang. Trong đó:

a) Diện tích, loại đất thu hồi theo hiện trạng sử dụng đất, dự kiến:

- Nhóm đất nông nghiệp: 578,1 m², gồm:

+ Đất trồng cây lâu năm: 578,1 m².

- Nhóm đất phi nông nghiệp: 945,0 m², gồm:

+ Đất ở tại đô thị: 793,7 m².

+ Đất giao thông: 151,3 m².

b) Diện tích đất phân theo đối tượng, quản lý sử dụng:

+ Hộ gia đình, cá nhân: 1.371,8 m².

+ Tổ chức (UBND phường Nông Tiến): 151,3 m².

(Có danh sách thu hồi đất kèm theo)

2. Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án Khu đô thị Dịch vụ và Dân cư Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang (đợt 4).

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Hoàn thành xong trong tháng 7/2024.

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư: Do công trình không có hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở nên không phải bố trí tái định cư.

5. Giao Ủy ban nhân dân phường Nông Tiến chủ trì, phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố (đại diện Chủ đầu tư) tổ chức họp công khai Thông báo thu hồi đất tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất và niêm yết Thông báo này tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường và tại các địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất xây dựng công trình trên có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố (đại diện Chủ đầu tư) và Ủy ban nhân dân phường Nông Tiến thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân không chấp hành việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Nhà nước triển khai kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy
- Thường trực HĐND thành phố (B/cáo);
- Chủ tịch UBND thành phố
- Các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở TN&MT;
- Trung tâm Văn hóa - Truyền thông và Thể thao thành phố;
- Hội đồng bồi thường, HT & TĐC thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố;
- Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố;
- Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang; Văn phòng Công chứng Ma Thị Sách; Văn phòng Công chứng Đinh Thị Bích; Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Thu Hiền; Văn phòng Công chứng Nguyễn Hữu Thảo;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (Đề thông báo cho các Ngân hàng Thương mại biết);
- Trang Thông tin điện tử thành phố;
- Ủy ban nhân dân phường Nông Tiến;
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất xây dựng công trình;
- CVP, PCVP HĐND và UBND thành phố;
- Chuyên viên TNMT;
- Lưu: VT, TNMT. NL - 40b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Đình Đạt

**DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT XÂY DỰNG DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ DỊCH VỤ VÀ DÂN CƯ NÔNG TIỀN, THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG,
TỈNH TUYỀN QUANG - ĐỢT 4**

(Kèm theo Thông báo số 110/TB-UBND ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyen Quang)

Đơn vị tính: m²

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất					Ghi chú
					Nhóm đất NN		Nhóm đất phi nông nghiệp			
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Tổng	Trong đó		
Đất ở tại đô thị (ODT)	Đất giao thông (DGT)									
1	2	3	5	6	7	10	12	13	14	17
	TỔNG (I+II)			1.523,1	578,1	578,1	945,0	793,7	151,3	
I	HỘ GIA, ĐÌNH CÁ NHÂN			1.371,8	578,1	578,1	793,7	793,7	0,0	
1	Nguyễn Lệ Thương	Tổ 8, P. Nông Tiến	17	12,0	12,0	12,0	0,0			
2	Trần Mạnh Tú	Tổ 8, P. Nông Tiến	18	5,9	5,9	5,9	0,0			
3	Nguyễn Thị Lâm	Tổ 8, P. Nông Tiến	19	3,2	3,2	3,2	0,0			
4	Vũ Ngọc Hải	Tổ 8, P. Nông Tiến	20	0,2	0,2	0,2	0,0			
5	Nguyễn Lý Khải	Tổ 8, P. Nông Tiến	23	32,3	0,0		32,3	32,3		
6	Trần Thu Nga	Tổ 8, P. Nông Tiến	24	47,2	47,2	47,2	0,0			
7	Phạm Đình Tuấn	Tổ 8, P. Nông Tiến	30	174,2	0,0		174,2	174,2		
8	Phạm Tiến Dũng	Tổ 8, P. Nông Tiến	31	172,2	0,0		172,2	172,2		
9	Nguyễn Thị Vân	Tổ 8, P. Nông Tiến	32	82,3	0,0		82,3	82,3		
10	Phạm Từ Hùng	Tổ 8, P. Nông Tiến	33	62,3	0,0		62,3	62,3		
11	Phạm Quyết Thắng	Tổ 8, P. Nông Tiến	34	57,6	0,0		57,6	57,6		
12	Phạm Cao Chính	Tổ 8, P. Nông Tiến	35	40,0	0,0		40,0	40,0		
13	Lê Thị Sơn	Tổ 8, P. Nông Tiến	44	6,5	0,0		6,5	6,5		
14	Nguyễn Thị Nhân	Tổ 8, P. Nông Tiến	45	46,4	0,0		46,4	46,4		
15	Dương Văn Hùng	Tổ 8, P. Nông Tiến	46	13,4	0,0		13,4	13,4		
16	Dương Thị Bằng	Tổ 8, P. Nông Tiến	47	19,9	0,0		19,9	19,9		

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất					Ghi chú
					Nhóm đất NN		Nhóm đất phi nông nghiệp			
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Tổng	Trong đó		
Đất ở tại đô thị (ODT)	Đất giao thông (DGT)									
17	Dương Ngọc Tuyên	Tổ 8, P. Nông Tiến	48	138,0	138,0	138,0	0,0			
18	Nguyễn Văn Quân	Tổ 8, P. Nông Tiến	62	107,9	107,9	107,9	0,0			
19	Lê Ngọc Oanh	Tổ 4, P. Phan Thiết	65	86,6	0,0		86,6	86,6		
20	Nguyễn Chí Việt	Tổ 8, P. Nông Tiến	66	263,7	263,7	263,7	0,0			
II	TỔ CHỨC			151,3	0,0	0,0	151,3	0,0	151,3	
1	UBND phường Nông Tiến		29	151,3	0,0		151,3		151,3	

Số: 446/TTr-TNMT

TP. Tuyên Quang, ngày 14 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc Thông báo thu hồi đất thực hiện dự án Khu đô thị dịch vụ và dân cư
Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang (đợt 4)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang

Căn cứ Điểm b, Khoản 3, Điều 62, Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị dịch vụ và dân cư Nông Tiến; Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Khu đô thị Dịch vụ

và Dân cư Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang; Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ủy quyền quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư một số công trình, dự án trên địa bàn thành phố Tuyên Quang; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết Khu đô thị dịch vụ và dân cư Nông Tiến; Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 04/5/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố làm đại diện chủ đầu tư thực hiện giải phóng mặt bằng dự án: Khu đô thị Dịch vụ và Dân cư Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang; Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án Khu đô thị Dịch vụ và Dân cư Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang (đợt 4);

Sau khi xem xét hồ sơ trình phê duyệt thông báo thu hồi đất thu hồi đất kèm theo Văn bản số 130/CV-TTPTQĐ ngày 28/5/2024 và Văn bản số 72/CV-TTPTQĐ ngày 04/4/2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang phê duyệt thông báo thu hồi đất dự án Khu đô thị Dịch vụ và Dân cư Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang (đợt 4), với những nội dung sau:

1. Thu hồi tổng diện tích 1.523,1 m² đất do Tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng tại phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang. Trong đó:

a) Diện tích, loại đất thu hồi theo hiện trạng sử dụng đất, dự kiến:

- Nhóm đất nông nghiệp: 578,1 m², gồm:

+ Đất trồng cây lâu năm: 578,1 m².

- Nhóm đất phi nông nghiệp: 945,0 m², gồm:

+ Đất ở tại đô thị: 793,7 m².

+ Đất giao thông: 151,3 m².

b) Diện tích đất phân theo đối tượng, quản lý sử dụng:

+ Hộ gia đình, cá nhân: 1.371,8 m².

+ Tổ chức (UBND phường Nông Tiến): 151,3 m².

(Có danh sách thu hồi đất kèm theo)

2. Lý do thu hồi đất: Thực hiện dự án Khu đô thị Dịch vụ và Dân cư Nông Tiến, phường Nông Tiến, thành phố Tuyên Quang (đợt 4).

3. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Hoàn thành xong trong tháng 7/2024.

4. Dự kiến kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư: Do công trình không có hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở nên không phải bố trí tái định cư

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố kính trình Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang phê duyệt để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (Trình duyệt);
- Lưu: TNMT.

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Văn Vượng

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT XÂY DỰNG DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ DỊCH VỤ VÀ DÂN CƯ NÔNG TIẾN, THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG - ĐỢT 4

(Kèm theo Tờ trình số 437/TTr-TNMT ngày 11/6/2024 của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố)

Đơn vị tính: m²

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất							Ghi chú
					Nhóm đất NN		Nhóm đất phi nông nghiệp					
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Tổng	Trong đó				
								Đất ở tại đô thị (ODT)	Đất giao thông (DGT)	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	Đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng (TIN)	
1	2	3	5	6	7	10	12	13	14	15		17
	TỔNG (I+II)			1.523,1	578,1	578,1	945,0	793,7	151,3	0,0	0,0	
I	HỘ GIA, ĐÌNH CÁ NHÂN			1.371,8	578,1	578,1	793,7	793,7	0,0	0,0	0,0	
1	Nguyễn Lê Thương	Tổ 8, P. Nông Tiến	17	12,0	12,0	12,0	0,0					
2	Trần Mạnh Tú	Tổ 8, P. Nông Tiến	18	5,9	5,9	5,9	0,0					
3	Nguyễn Thị Lâm	Tổ 8, P. Nông Tiến	19	3,2	3,2	3,2	0,0					
4	Vũ Ngọc Hải	Tổ 8, P. Nông Tiến	20	0,2	0,2	0,2	0,0					
5	Nguyễn Lý Khải	Tổ 8, P. Nông Tiến	23	32,3	0,0		32,3	32,3				
6	Trần Thu Nga	Tổ 8, P. Nông Tiến	24	47,2	47,2	47,2	0,0					
7	Phạm Đình Tuấn	Tổ 8, P. Nông Tiến	30	174,2	0,0		174,2	174,2				
8	Phạm Tiến Dũng	Tổ 8, P. Nông Tiến	31	172,2	0,0		172,2	172,2				
9	Nguyễn Thị Vân	Tổ 8, P. Nông Tiến	32	82,3	0,0		82,3	82,3				
10	Phạm Tử Hùng	Tổ 8, P. Nông Tiến	33	62,3	0,0		62,3	62,3				
11	Phạm Quyết Thắng	Tổ 8, P. Nông Tiến	34	57,6	0,0		57,6	57,6				
12	Phạm Cao Chính	Tổ 8, P. Nông Tiến	35	40,0	0,0		40,0	40,0				
13	Lê Thị Sơn	Tổ 8, P. Nông Tiến	44	6,5	0,0		6,5	6,5				
14	Nguyễn Thị Nhân	Tổ 8, P. Nông Tiến	45	46,4	0,0		46,4	46,4				
15	Dương Văn Hùng	Tổ 8, P. Nông Tiến	46	13,4	0,0		13,4	13,4				

STT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ chủ sử dụng đất	Số thửa bản đồ thu hồi	Tổng diện tích thu hồi	Phân loại theo nhóm đất						Ghi chú
					Nhóm đất NN		Nhóm đất phi nông nghiệp				
					Tổng	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Tổng	Trong đó			
								Đất ở tại đô thị (ODT)	Đất giao thông (DGT)	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	
16	Dương Thị Bằng	Tổ 8, P. Nông Tiến	47	19,9	0,0		19,9	19,9			
17	Dương Ngọc Tuyền	Tổ 8, P. Nông Tiến	48	138,0	138,0	138,0	0,0				
18	Nguyễn Văn Quân	Tổ 8, P. Nông Tiến	62	107,9	107,9	107,9	0,0				
19	Lê Ngọc Oanh	Tổ 4, P. Phan Thiết	65	86,6	0,0		86,6	86,6			
20	Nguyễn Chí Việt	Tổ 8, P. Nông Tiến	66	263,7	263,7	263,7	0,0				
II	TỔ CHỨC			151,3	0,0	0,0	151,3	0,0	151,3	0,0	0,0
1	UBND phường Nông Tiến		29	151,3	0,0		151,3		151,3		